|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** |  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành: Khoa học máy tính**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**QUẢN TRỊ WINDOWS SERVER**

**1. Tên học phần**: QUẢN TRỊ WINDOWS SERVER

**2. Mã học phần**: INT4008

**3. Số tín chỉ**: **3** **Học phần**: *Tự chọn*

Lý thuyết: 30 tiết

Thực hành (thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra): 30 tiết

Tự học: 75 giờ

**4. Phân bố thời gian**

Thời điểm thực hiện: Học kỳ 7

Số tiết/ tuần: 4 tiết

Tổng số tuần: 15 tuần

**5. Bộ môn/ Khoa phụ trách**: Khoa Công nghệ thông tin

**6. Điều kiện ràng buộc**: Mạng máy tính (1)

**7. Mô tả học phần**

Học phần Quản trị Windows Server là học phần tự chọn, nằm trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, phần kiến thức chuyên sâu của ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về Hệ điều hành Windows Server; Cài đặt và quản trị Actice Directory; Quản lý tài khoản người dùng và nhóm; Chính sách hệ thống; Dịch vụ lưu trữ; Quản trị cơ cở hạ tầng mạng như dịch vụ DHCP, DNS, FPT, Web.

**8. Mục tiêu học phần**

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

*8.1. Về kiến thức*:

- Trình bày được các kiến thức tổng quan về hệ điều hành Windows Server, quản trị hệ thống mạng và các thành phần cấu thành nên hệ thống mạng.

- Nêu được kiến thức về các dịch vụ hỗ trợ quản trị mạng trên nền tảng Windows Server; cơ chế chứng thực, bảo mật và phân quyền trên hệ thống mạng.

*8.2. Về kỹ năng*:

- Sử dụng hệ điều hành Windows Server để xây dựng và quản trị các hệ thống mạng trong thực tế.

- Đạt được kỹ năng cài đặt và quản trị Actice Directory, tổ chức và quản lý người dùng, quản trị cơ sở hạ tầng mạng để ứng dụng trong thực tế.

*8.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Có ý thức rèn luyện kỹ năng làm việc cẩn thận, chuyên nghiệp và sáng tạo..

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

*9.1. Nhiệm vụ*

- Phải nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng;

- Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

*9.2. Nội dung cần đạt*

 - Kiến thức:

+ Nắm vững các kiến thức tổng quan về hệ điều hành Windows Server, duy trì tài khoản nhóm và sắp xếp hệ thống hóa các tác vụ quản trị tài khoản người dùng và tài khoản nhóm

+ Biết các dịch vụ hỗ trợ quản trị mạng trên nền tảng Windows Server

 - Kĩ năng:

 + Quản trị hệ thống mạng dựa trên nền tảng Windows Server

+ Triển khai, vận hành và bảo trì hệ thống mạng và dịch vụ mạng

 - Thái độ:

+ Ý thức rèn luyện kỹ năng làm việc cẩn thận, chuyên nghiệp và sáng tạo

**10. Tài liệu tham khảo**

[1]. Lê Tự Thanh, *Giáo trình Hệ điều hành Windows Server 2003*, NXB Thông tin và truyền thông, 2010.

[2]. *Quản Trị Hệ Thống Mạng Windows Server 2012*, Trung tâm Bách Khoa Aptech Hà Nội.

[3]. Dan Holme, *MCTS Self-Paced Training Kit (Exam 70-640) Configuring Windows 2008 Active Directory (2nd Edition)*, Microsoft Press, 2011.

**11. Trang, thiết bị dạy - học**: Máy tính, máy chiếu.

**12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu môi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.

- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiếm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.

- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

**13. Thang điểm**

 Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

| **Xếp loại** | **Thang điểm 10** | **Thang điểm chữ** | **Thang điểm 4** |
| --- | --- | --- | --- |
| Đạt(Tích lũy) | Giỏi | 9,0 – 10,0 | A+ | 4,0 |
| 8,5 – 8,9 | A | 3,8 |
| Khá | 8,0 – 8,4 | B+ | 3,5 |
| 7,0 – 7,9 | B | 3,0 |
| Trung bình | 6,5 – 6,9 | C+ | 2,5 |
| 5,5 – 6,4 | C | 2,0 |
| Trung bình yếu | 5,0 – 5,4 | D+ | 1,5 |
| 4,0 – 4,9 | D | 1,0 |
| Không đạt | Kém | < 4,0 | F | 0 |

**14. Nội dung học phần**

**Chương 1. GIỚI THIỆU VÀ CÀI ĐẶT HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS SERVER**

*Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 2 tiết; Thực hành: 2 tiết; Tự học: 5 giờ*

1. Giới thiệu hệ điều hành Windows

2. Giới thiệu các mô hình mạng trên nền hệ điều hành Windows

3. Cài đặt hệ điều hành Windows Server

**Chương 2. QUẢN TRỊ ACTIVE DIRECTORY**

*Tổng số: 28 tiết, trong đó Lý thuyết: 12 tiết; Thực hành: 16 tiết; Tự học: 32 giờ*

1. Tìm hiểu Active Directory

2. Cấu hình và cài đặt Active Directory

3. Quản lý tài khoản người dùng và nhóm

4. Chính sách hệ thống

**Chương 3. QUẢN TRỊ CƠ SỞ HẠ TẦNG**

*Tổng số: 12 tiết, trong đó Lý thuyết: 8 tiết; Thực hành: 4 tiết; Tự học: 18 giờ*

1. Dịch vụ cấu hình địa chỉ IP động (Dynamic Host Configuration Protocol – DHCP)

2. Dịch vụ tên miền (Domain Name System - DNS)

3. Dịch vụ cấp giấy chứng nhận (Certificate Authority – CA)

**Chương 4. QUẢN TRỊ DỊCH VỤ MẠNG**

*Tổng số: 16 tiết, trong đó Lý thuyết: 8 tiết; Thực hành: 8 tiết; Tự học: 20 giờ*

1. Dịch vụ Web.

2. Dịch vụ FTP

3. Dịch vụ Email

4. Dịch vụ chia tập tin và máy in

**15. Phương pháp đánh giá học phần**

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TP | Chuyên cần | Định kỳ | Thi |
| Trọng số 10% | 30% | 60% |
| TC | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS |
|  | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 | 1 |  |  | 2 | 1 | 1 | 1 |
| Liên hệ với 9.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  | x |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  | x |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  | x |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  | x |  |
| x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Tích (X) nếu bài kiểm tra, đánh giá liên quan đến những nội dung cần đạt tại mục 9.2

(1) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

(2) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

(3) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

(4) Điểm đánh giá thực hiện bài tập, thực hành;

(5) Điểm thi giữa kỳ;

(6) Điểm đánh giá định kỳ;

(7) Thi kết thúc học phần hoặc Điểm tiểu luận.

 Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Thi thực hành.

**16. Phương pháp dạy và học:** Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ban Giám hiệu** | **Trưởng khoa** | **Người soạn** |